

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM SÁCH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 20/8/2018

V/v Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH - HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Thu Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Quy; Bà Trần Thị Liên.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên toà:
Bà Nguyễn Thị Phương- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2018, tại Nhà văn hóa khu Đ, thị trấn S, huyện N, tỉnh Hải Dương, Toà án nhân dân huyện Nam Sách mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 115/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2018 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2018/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đào Thị U, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Đào Thị U trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước đó chị và anh Nguyễn Văn G vào huyện H, tỉnh Lâm Đồng làm ăn, sinh sống và chuyển hộ khẩu thường trú đến đó. Anh chị gặp nhau, tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Ngày 13/12/1997, anh chị đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện H, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống cùng nhau tại thị trấn B, vợ chồng chung sống chỉ hạnh phúc được 9 tháng sau đó anh G phạm tội cướp tài sản và bị xử phạt 4 năm tù giam. Thời gian anh G đi cải tạo tại

trại giam chị ở nhà làm gửi tiền nuôi anh trong trại. Đến tháng 7/2002 anh G chấp hành án xong trở nhà, nhưng anh G không thay đổi tính cách, không chịu khó làm ăn, thường xuyên uống rượu, chửi bới, gây sự với chị. Anh G còn gây mâu thuẫn với anh em ruột chị đang làm vườn ở trong Lâm Đồng và phá phách vườn cây, đồ đạc, nhà cửa của em trai chị, chị không thể khuyên bảo được anh G. Tháng 7/2003 chị phải bỏ về quê ở thôn K, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương để sinh sống. Kể từ đó chị và anh G không còn quan tâm, không liên lạc gì với nhau nữa, anh G làm gì ở đâu chị không rõ, anh G cũng không về quê tìm gặp chị bao giờ. Do không biết tin tức gì của anh G nên chị cũng chưa làm thủ tục để giải quyết việc ly hôn. Đến năm 2012 chị được biết anh G đã về quê ở thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương sinh sống, chị đã một vài lần tìm gặp anh G để giải quyết việc ly hôn nhưng anh G không hợp tác mà còn chửi, đe dọa chị. Đến nay chị nhận thấy anh chị đã sống ly thân từ rất lâu, không còn tình cảm gì với nhau, ai cũng có cuộc sống riêng nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh G.

Về con chung: Chị và anh G không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Theo biên bản ghi lời khai bị đơn anh Nguyễn Văn G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 1995 anh vào Lâm Đồng làm kinh tế nên đã chuyển hộ khẩu thường trú đến thôn A, xã L, huyện H, tỉnh Lâm Đồng. Anh gặp chị U tại Lâm Đồng, anh chị được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, mọi thủ tục kết hôn do chị U làm nên anh cũng không rõ cụ thể như thế nào, anh không được cầm giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Sau đó anh và chị U chung sống được khoảng 1 năm thì anh phải đi chấp hành án tại trại giam hơn 3 năm. Thời gian anh đi chấp hành án, chị U không quan tâm đến anh. Sau khi chấp hành án về chị U đuổi anh ra khỏi nhà, vợ chồng mâu thuẫn, chị U đòi ly hôn với anh, anh đồng ý và ký vào đơn xin ly hôn, anh có hỏi chị U về thủ tục giải quyết việc ly hôn thì chị U nói chị tự giải quyết một mình không cần anh phải đến Tòa án, sau đó anh cũng không rõ chị U giải quyết như thế nào, anh cũng chưa bao giờ nhìn thấy quyết định ly hôn của Tòa án, anh và chị U không chung sống cùng nhau nữa. Năm 2002 anh về quê thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương sinh sống và không liên lạc với chị U nữa, anh nghĩ rằng việc ly hôn của anh và chị U đã xong. Nay chị U nộp đơn xin ly hôn đến Tòa án nhân dân huyện Nam Sách anh xác định anh và chị U sống ly thân đã lâu, ai cũng đã có cuộc sống riêng, nếu trước đây chị U chưa làm thủ tục giải quyết việc ly hôn với anh tại Tòa án, mà đến nay mới làm đơn thì anh cũng nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh và chị U không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên toà sơ thẩm:

Nguyên đơn chị U trình bày: Chị giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh G vì xác định anh chị không chung sống với nhau từ rất lâu, không còn tình cảm gì với nhau; Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh G vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách trình bày việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng: Đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết: Đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Xử cho chị U ly hôn anh G; Về án phí: chị U phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn G được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét tại Biên bản ghi lời khai ngày 24/7/2018 (BL 27) anh G đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh G.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị U anh Nguyễn Văn G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện H, tỉnh Lâm Đồng ngày 13/12/1997 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị cùng chung sống ở thị trấn B, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 9 tháng thì anh G phải đi chấp hành án phạt tù tại trại giam. Sau khi chấp hành xong án trở về nhà vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Chị U trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do anh G không chịu khó làm ăn, thường xuyên uống rượu, chửi bới chị, gây mâu thuẫn, pha phách tài sản của em trai chị nên năm 2003 chị phải bỏ về quê ở huyện T, tỉnh Hải Dương và cắt đứt liên lạc với anh G. Anh G trình bày nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng là do chị U không còn quan tâm đến anh, đuổi anh ra khỏi nhà và đòi ly hôn với anh nên anh bỏ về quê sinh sống và không liên lạc gì với chị U nữa. Xét lời trình bày của chị U anh G về nguyên

nhân mâu thuẫn của vợ chồng có khác nhau nhưng anh chị nhưng đều xác định từ khi anh G chấp hành xong án trở về nhà thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không chung sống cùng nhau từ năm 2003 và cắt đứt mọi liên lạc. Hội đồng xét xử thấy rằng việc chị U, anh G không sống chung, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị U đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh G, tại Biên bản ghi lời khai ngày 24/7/2018 (BL27) anh G cũng nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị U xử cho chị U ly hôn với anh G.

[3] Về quan hệ con chung: Chị U, anh G không có con chung

[4] Về tài sản chung: Chị U, anh G không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Chị U là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Đào Thị U ly hôn anh Nguyễn Văn G.

2. Án phí: Chị Đào Thị U phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại Cơ quan thi hành án dân sự huyện Nam Sách theo biên lai số AB/2016/00022 69 ngày 27 tháng 6 năm 2018.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nam Sách;
- Đương sự;
- UBND thị trấn B, huyện H, tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Đoàn Thị Thu Thúy

